TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48 /2017/HSST

Ngày 04 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Hoan

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

- *Th- ký phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- *Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên toà*: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 04/8/2017 tại Hội tr- ờng xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 49/2017/HSST ngày 16/6/2017 đối với các bị cáo:

1- Bị cáo **Trần Văn Ph** - sinh năm 1985 (tên gọi khác: Không có);

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Ch, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; *Văn hoá*: 05/12;

- *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc*: Kinh; *Tôn giáo*: Không.
- Con ông Trần Văn G và bà Đào Thị L;
- Vợ: Nguyễn Thị H; Con: có 02 con; con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015;

+ *Tiền án, tiền sự*: Không

+ Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2017 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tai Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

1- Bị cáo **Trần Văn L** - sinh năm 1994 (tên gọi khác: Không có);

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Ch, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; *Văn hoá*: 09/12;

- *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc*: Kinh; *Tôn giáo*: Không.
- Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H;
- Vợ; Con: Chưa có;

+ *Tiền án, tiền sự*: Không

+ Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2017 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

+ *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị Tuyết Nh - sinh năm 1998 (Vắng mặt);

Địa chỉ: K 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lê Văn D - sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ Ông Trần Văn T - sinh năm 1966 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn Ph và bị cáo Trần Văn L bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 06 giờ, ngày 20 tháng 4 năm 2017, Trần Văn Ph - sinh năm 1985; ở Thôn Ch, xã Đ, huyện H đang ở nhà, thì Trần Văn L - sinh năm 1994 (cùng thôn), đi xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave, biển kiểm soát 98D1-209.11, đến đón Ph với mục đích để đi đến Trung tâm y tế dự phòng huyện H uống thuốc cai nghiện Methadone. L là người điều khiển xe mô tô còn Ph ngồi phía sau, khi hai đối tượng đi trên Quốc lộ 37, đoạn qua cổng trường THPT H, thì cả hai phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Tuyết Nh - sinh năm 1998; ở K 5, thị trấn T, huyện H đi xe đạp điện, biển kiểm soát MĐ3- 051.75 chở sau là chị Nguyễn Hương Ng - sinh năm 1999; ở K 3, thị trấn T, huyện H đang đi phía trước cùng chiều, trên giỏ xe của chị Nh để một túi xách màu vàng chanh. Do muốn có tiền ăn tiêu, nên Ph nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách của chị Nh. Thực hiện ý định đó, Ph bảo với L: " Hai con bé kia có túi xách để phía trước, không biết có gì không, đi sát vào". Nghe nói vậy, L hiểu ý Ph định cướp giật tài sản, nên L nói với Ph" Để cháu lượn lên Chú nhấc". Sau đó L tăng ga đuổi theo xe của chị Nh. Khi đi đến chân dốc Tr, thuộc thôn Đ, xã N, huyện H thì L đuổi kịp xe của chị Nh và áp sát về phía bên trái xe của chị Nh. Khi đến vị trí ngang với xe của chị Nh, thì Ph dùng tay phải giật chiếc túi xách và ôm ở phía trước bụng. Do sợ bị phát hiện nên khi đi đến ngã ba Tr, thì L rẽ trái vào một đường bê tông thuộc thôn H, xã Đ, huyện H. Khi đi được khoảng 500m thì Ph bảo L dừng xe lại, đồng thời Ph đưa cho Lợi chiếc túi xách vừa cướp giật được để L kiểm tra. Khi mở túi, L và Ph phát hiện bên trong túi xách có: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s màu trắng, vỏ ốp nhựa màu vàng; 01 bút bi ký hiệu TRUONG SA 02; 01 bút chì ký hiệu YOKO; 01 kẹp tóc màu đỏ cam; 02 thỏi son; 01 chùm chìa khóa có hai chìa bằng kim loại. Sau khi kiểm tra, L cầm

chiếc điện thoại di động Iphone 5s cất vào túi quần bên phải, rồi vứt chiếc túi xách cùng các tài sản còn lại ở rìa đường bê tông thuộc thôn H, xã Đ, huyện H. Sau đó Ph điều khiển xe mô tô chở L đến cửa hàng điện thoại "D O" do anh Lê Văn D - sinh năm 1983; ở thôn Tr, xã H, huyện H làm chủ, hai đối tượng đã bán chiếc điện thoại Iphone 5s cho anh D được 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) và đã ăn tiêu chỉ còn lại 50.000đồng, số tiền này Ph đã giao nộp cho Cơ quan điều tra khi ra đầu thú.

Ngay sau khi bị cướp giật tài sản, chị Nguyễn Thị Tuyết Nh đã có đơn trình báo gửi Cơ quan điều tra. Đến 14 giờ cùng ngày thì Trần Văn Ph đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận cùng Trần Văn L đã thực hiện hành vi cướp giật chiếc túi xách của chị Nh. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Trần Văn L, đồng thời thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave biển kiểm soát 98D1-209.11 mang tên chủ sở hữu là ông Trần Văn T (Bố đẻ bị cáo L) và 01 chiếc mũ bảo hiểm.

Sau khi Ph đến Cơ quan điều tra đầu thú, Cơ quan điều tra đã tiến hành ngay việc khám nghiệm hiện trường, đồng thời cho Ph chỉ dẫn địa điểm Ph và L vứt chiếc túi xách cướp giật được của chị Nh. Kết quả đã thu giữ tại rìa đường bê tông thuộc thôn H, xã Đ, huyện H 01 túi xách màu vàng chanh bên trong có: 01 bút bi ký hiệu TRUONG SA 02; 01 bút chì ký hiệu YOKO; 01 kẹp tóc màu đỏ cam; 02 thỏi son; 01 chùm chìa khóa có hai chìa bằng kim loại, đây là vật chứng chứng của vụ án. Đồng thời cùng ngày anh Lê Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc điện thoại Iphone 5s ốp nhựa màu vàng để phục vụ điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 24/4/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện Hiệp Hòa kết luận: Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá: 4.582.000đ (Bốn triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Ngày 25/5/2017 Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng: trả lại chị Nguyễn Thị Tuyết Nh số tài sản trên, chị Nh đã nhận lại tài sản còn nguyên vẹn và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98D1-209.11 mà Ph và L đã sử dụng để thực hiện hành hành vi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc sở hữu của ông Trần Văn T - là bố đẻ bị cáo L, L mượn xe của ông T mục đích để đi uống thuốc cai nghiện Methadone ở Trung tâm y tế dự phòng huyện H. Ông T không biết L sử dụng xe vào việc phạm tội. Do vậy ngày 25/5/2017, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại ông T chiếc xe này.

Đối với anh Lê Văn D, khi mua chiếc điện thoại di động Iphone 5s của Ph và L, anh D không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Riêng số tiền 500.000đ anh D bỏ tra để mua điện thoại của Ph và L, ngày 08/5/2017 ông Trần Văn T đã tự nguyện bồi thường thay cho anh D số tiền trên. Nay anh D không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn Ph và bị cáo Trần Văn L đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 50/KSĐT ngày 16/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Trần Văn Ph và Trần Văn L ra tr- ớc Toà án nhân dân huyện H, để xét xử về tội " Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện VKSND huyện H đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn Ph; bị cáo Trần Văn L phạm tội " Cướp giật tài sản";

□p dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ph từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 20 tháng 4 năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn Lợi từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 20 tháng 4 năm 2017).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì về bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền là 50.000đồng, là tiền mà bị cáo Ph bán điện thoại do phạm tội mà có.

Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Ph do thuộc hộ nghèo.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo L phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm .

Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan..

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

XÉT THẤY:

Về tố tụng: Ng- ời bị hại là chị Nguyễn Thị Tuyết Nh, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn D; người làm chứng cháu Nguyễn Hương Ng,

người giám hộ cho cháu Ng là bà Lê Thị T đã đ- ợc Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nh- ng tr- ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 191; Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên toà.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trần Văn Ph và bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Cả hai bị cáo đều thừa nhận vào khoảng 06 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2017. Bị cáo Trần Văn L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98D1-209.11 nhãn hiệu Hon da Wave màu đen - bạc, đi từ nhà đến Trung tâm Y tế dự phòng huyện H, tỉnh Bắc Giang, tại dốc B N thuộc xã H, huyện H để uống thuốc cai nghiện ma túy, khi đi bị cáo L có sang nhà Trần Văn Ph(là Chú họ) để rủ Ph cùng đi, khi đang đi trên Quốc lộ 37 đoan qua cổng Trường Trung học phổ thông H, thì cả hai phát hiện hai người phụ nữ đi xe đạp điện phía trước cùng chiều về phía ngã tư B, trên giỏ xe đạp điện có để một túi sách màu vàng chanh. Lúc đó bị cáo Ph nói với bị cáo L " Hai con bé kia có túi sách để ở phía trước không biết có gì không, đi sát vào". Bị cáo L đã hiểu ý của Ph và bảo Ph " Để Cháu lượn lên Chú nhấc". Sau đó L điều khiển xe đuổi theo xe của chị Nh và cháu Ng, khi đến ngã tư B thì đèn đỏ bật sáng L dừng xe lại, còn chị Nh và cháu Ngvẫn đi tiếp vượt đèn đỏ, đi theo hướng P Thái Nguyên, do sợ chị Nh và cháu Ng đi nhanh, mất dấu không đuổi kịp, do vậy bị cáo L đã cho xe rẽ phải được khoảng 05 mét thì quay lại và rẽ phải theo đường Quốc lộ 37 (để tránh đèn đỏ) theo hướng đi P, Thái Nguyên. Bị cáo L đã tăng ga đuổi theo chị Nh và cháu Ng, khi đến chân dốc Tr thuộc thôn Đ, xã N huyện H thì đuổi kịp. Bị cáo L đã tăng ga lái xe ép sát vào phía bên trái xe đạp điện do chị Nh điều khiển, khi xe đến vị trí ngang với túi sách để ở giỏ xe thì bị cáo Ph dùng tay phải giật chiếc túi sách và ôm vào bụng. Bị cáo L đã tăng ga bỏ chạy về hướng đi P, tỉnh Thái Nguyên, khi đến ngã ba Tr, L rẽ trái vào một ngõ nhỏ đường bê tông, khi chạy trốn bị cáo Ph đã mở túi sách vừa cướp giật được ra xem, thì thấy trong túi có 01 điện thoại di động Iphone 5s màu trắng, có vỏ ốp nhựa màu vàng, cùng một số vật dụng cá nhân của phụ nữ như: son, bút, kẹp tóc, thìa khóa. Bị cáo Ph có nói với bị cáo L là có 01 điện thoại, Đi được thêm mấy trăm mét thì L đổi tay lái cho Ph điều khiển xe, L cầm túi sách vừa cướp được ngồi sau để kiểm tra, bị cáo L cầm điện thoại Iphone 5s vừa cướp giật được đút vào túi quần, bị cáo Ph bảo L vất túi sách ở rìa đường. Sau đó các bị cáo đi theo đường tỉnh lộ 296 về phía Trung tâm y tế dự phòng huyện H, trên đường đi các bị cáo đã rẽ vào cửa hàng điện thoại của anh D, ở sát đường 296 để bán chiếc điện thoại vừa cướp giật được với giá 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Ph và bị cáo L đã thừa nhận Cáo trạng số 50/KSĐT ngày 15/6/2017 truy tố các bị cáo là đúng ng- ời, đúng tội.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, vật chứng là chiếc điện thoại Iphone 5s, cùng chiếc túi sách màu vàng chanh trong có 01 bút bi ký hiệu TRUONG SA 02; 01 bút chì ký hiệu YOKO; 01 kẹp tóc màu đỏ cam; 02 thỏi son ; 01 chùm chìa khóa có hai chìa bằng kim loại, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Ph và bị cáo L đều đã có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với

lỗi cố ý, với mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 5s để bán lấy tiền chi tiêu. Giá trị tài sản mà các bị cáo Cướp giật được là 4.582.000đồng (Bốn triệu năm trăm tám hai nghìn đồng).

Vì vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Ph và bị cáo Trần Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cướp giật tài sản" đ- ợc quy định Khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự, khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, các bị cáo đã " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" thể hiện qua việc: các bị cáo sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản của chị Nh, khi chị Nh đang điều khiển phương tiện là xe đạp điện, đã gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại; Theo hướng dẫn chi tiết tại mục 5.3 Mục 5 Phần I của Thông tư số 02/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BCA - BTP ngày 25/12/2001, vì vậy các bị cáo bị truy tố theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự là đúng quy định của Pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Ph và bị cáo L ra tr- ớc Toà án hôm nay là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án này cả hai bị cáo cùng thực hiện một tội phạm "Cướp giật tài sản" trong vụ án, do vậy Hội đồng xét xử xác định là đồng phạm, các bị cáo trước khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản không có sự phân công trách nhiệm, bàn bạc việc thực hiện tội phạm, cho nên đồng phạm trong vụ án này là đồng phạm giản đơn, khi lên mức án đối với từng bị cáo cần áp dụng quy định tại Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì bị cáo Trần Văn Ph có vai trò chính, vừa là người khởi xướng việc cướp giật, vừa là người trực tiếp thực hiện việc cướp giật tài sản, bị cáo Trần Văn L với vai trò giúp sức tích cực trong vụ án này, thể hiện hành vi phạm tội thể hiện qua việc được bị cáo Ph gợi ý là hưởng ứng ngay, là người điều khiển xe mô tô để bị cáo Ph ngồi sau thực hiện tội phạm, rồi cùng bị cáo Ph đi tiêu thụ tài sản cướp giật được.

Xét về tính chất của vụ án, thì các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội rất nguy hiểm và liều lĩnh, gây ra sự hoang mang trong quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Thời gian gần đây trên địa bàn huyện H đã sảy ra việc Cướp giật tài sản của người dân vào các thời điểm khác nhau trong ngày, các đối tượng cướp giật đều sử dụng xe mô tô để thực hiện, làm ảnh h- ởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa ph- ơng, làm người dân không tin tưởng vào pháp luật, vì vậy cần phải xử thật nghiêm đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo đối với xã hội một thời gian dài, thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Buộc bị cáo Ph và bị cáo L phải cải tạo trong trong trại giam là phù hợp quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay, bị cáo Ph và bị cáo L đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, do vậy cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ph sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã đến cơ quan Công an đầu thú khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

Do bị cáo Trần Văn Ph thuộc hộ nghèo, bị cáo Trần Văn L là đối tượng nghiện ma túy, sống cùng bố mẹ không có tài sản riêng, không có công việc ổn định và không có thu nhập gì, sống cùng bố mẹ phụ thuộc về kinh tế, nên HĐXX không áp dụng hình phạt tiền bổ xung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị cướp giật, không có yêu cầu bồi th- ờng gì về dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn T đã nhận lại tài sản là xe mô tô 98D1-209.11, anh D đã nhận lại số tiền mua điện thoại của các bị cáo do bố bị cáo L trả thay và không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền 50.000đồng do bị cáo Ph nộp khi ra đầu thú, đây là tiền do phạm tội mà có, ông T là bố đẻ bị cáo L đã tự nguyện trả lại cho anh D hoàn trả thay cho hai bị cáo và không có yêu cầu gì, bị cáo Ph tại phiên tòa không có yêu cầu trả lại số tiền này. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu số tiền này để sung công quỹ Nhà nước là phù hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn Ph thuộc hộ nghèo năm 2017. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Ph.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ng- ời bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, Khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ph và bị cáo Trần Văn L phạm tội " Cướp giật tài sản".

- □p dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Ph 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 20/4/2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L 03 (Ba) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 20/4/2017).

2 - Về vật chứng:

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng), đây là tiền bán

điện thoại mà các bị cáo cướp giật của chị Nh mà có, do bị cáo Trần Văn Ph nộp khi đầu thú;

3 - Về án phí: □p dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Ph.

4 - Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho ng- ời bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện H;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A H;
- Công an H;
- L- u hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan